

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp đường giao thông bản Pượn, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng; số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 hướng dẫn xác định chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4889/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; số 1916/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; số 2477/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 3219/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc phê duyệt chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, lập hồ sơ, cắm cọc GPMB và giá các gói thầu dự án Nâng cấp đường giao thông bản Pượn, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4576/TTr-SGTVT ngày 28/10/2020 và Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán tại Công văn số 4554/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/10/2020 và UBND huyện Quan Hóa tại Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 13/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp đường giao thông bản Pượn, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a) với nội dung chủ yếu sau:

1. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài 4,25km đạt quy mô đường giao thông nông thôn cấp C (theo TCVN10380: 2014), có: chiều rộng nền đường $B_n=4,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,0m$, lề đất $B_l=2 \times 0,5m$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=15km/h$; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=10m$; độ dốc dọc lớn nhất $i_{max}=15\%$; mặt đường bằng bê tông xi măng. Công trình thoát nước xây dựng mới bằng BTXM và BTCT, tải trọng thiết kế H13-X60, tần suất thiết kế $P=4\%$.

2. Giải pháp thiết kế:

2.1. Bình đồ tuyến: Điểm đầu Km0 - giao với đường tỉnh 521 (đầu cầu bản Pạo) tại Km19+620,92/ĐT.521, nằm ở trung tâm xã Trung Sơn; điểm cuối Km4+252,44 - tại trung tâm bản Pượn, xã Trung Sơn. Tổng chiều dài tuyến 4,25km, bán kính cong nhỏ nhất $R_{min}=20m$.

2.2. Trắc dọc tuyến: Đường đồ được thiết kế trên cơ sở địa hình và tần suất thủy văn $P=4\%$, có đào đắp cục bộ một số vị trí để cải thiện độ dốc. Độ dốc dọc lớn nhất $i_{max}=15\%$.

2.3. Trắc ngang tuyến: Chiều rộng nền đường $B_n=4,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,0m$, dốc ngang hai mái $i_m=2\%$; lề đất $B_l=2 \times 0,5m$, dốc ngang $i_l=4\%$. Các đoạn có thiết kế rãnh dọc BTXM mặt đường được mở rộng đến mép rãnh, kết cấu mở rộng như phần mặt đường.

2.4. Nền đường:

- Nền đắp: Đắp bằng đất đào hạ nền đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, độ chặt yêu cầu $K \geq 95$, lớp sát móng đường đạt $K \geq 98$ dày 30cm. Mái ta luy đắp 1/1,5; gia cố mái ta luy bằng trồng cỏ.

- Nền đào: Để giảm khối lượng đào, hạn chế giải phóng mặt bằng và phá vỡ thảm thực vật hiện có, độ dốc mái taluy được thiết kế:

+ Đối với nền đào đất: Mái taluy đào 1/0,75-1/1.

+ Đối với nền đào đá: Mái taluy đào từ 1/0,25-1/0,75 tùy theo cấp đá; những đoạn chiều cao mái taluy lớn hơn 12m thiết kế giạt cấp, chiều rộng cấp 2m.

2.5. Kết cấu áo đường:

- Mặt đường: Bằng BTXM M300 dày 22cm. Bố trí khe co và khe giãn bằng cắt khe và chét khe bằng ma tít nhựa; đối với những đoạn có độ dốc dọc lớn $I_d \geq 10\%$ bố trí khe ngang tạo nhám.

- Móng đường:

+ Đối với những đoạn có độ dốc dọc $I_d \leq 10\%$: Móng bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6) dày 12cm.

+ Đối với đoạn có độ dốc dọc $10\% < I_d \leq 15\%$: Móng bằng BTXM đá (4x6) M100 dày 10cm.

2.6. Công trình thoát nước:

a) Thoát nước mặt: Bằng chảy toả và rãnh dọc.

- Rãnh đất hình thang tiết diện lòng $(40+120)\times 40\text{cm}$, những đoạn có độ dốc dọc $\geq 6\%$ được gia cố bằng BTXM M150. Những đoạn qua nền đá rãnh tam giác tiết diện $(40\times 80)\text{cm}$.

- Những vị trí qua đường ngang thiết kế rãnh chịu lực tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh $B=0,5\text{m}$; kết cấu thân rãnh bằng BTXM M200, mũ rãnh bằng BTXM M250, nắp rãnh bằng BTCT M300, lớp phủ bản bằng BTXM M300.

b) Thoát nước ngang: Tổng số có 13 công trình thoát nước ngang, trong đó: Sử dụng lại 01 tràn liên hợp cống bản $KĐ=2,0\text{m}$ tại $\text{Km}0+571,7$ còn tốt và xây dựng mới 12 cống các loại, gồm: 07 cống bản khẩu độ $1,0\text{m}$; 03 cống bản khẩu độ $1,5\text{m}$; 01 cống bản khẩu độ $3,4\text{m}$; 01 cống bản khẩu độ $5,4\text{m}$. Chiều dài cống bằng chiều rộng nền đường, móng đặt trên nền thiên nhiên.

- Kết cấu cống bản khẩu độ $(1,0-1,5)\text{m}$: Móng, thân, tường cánh, hồ thu, sân thượng, hạ lưu cống bằng BTXM M150; mũ mố bằng BTCT M250, tấm bản bằng BTCT M300, lớp phủ bản bằng BTXM M300.

- Kết cấu cống bản khẩu độ $(3,4-5,4)\text{m}$: Móng, thân, tường cánh, sân thượng, hạ lưu cống bằng BTXM M150; mũ mố bằng BTCT M250, dầm bản bằng BTCT M300, lớp phủ bản bằng BTXM M300, bản quá độ bằng BTCT M300, gờ chắn bánh bằng BTCT M250.

2.7. Nút giao, đường ngang:

- Toàn tuyến có 01 nút giao với Đường tỉnh 521 tại ngã ba đầu tuyến $\text{Km}0$; bán kính các nhánh rẽ tối thiểu $R_{\min}=15\text{m}$, tổ chức giao thông bằng biển báo, kết cấu áo đường trong nút giao như kết cấu phân tuyến.

- Đường giao dân sinh: Được vượt nổi và mở rộng tạo êm thuận và tăng cường an toàn giao thông; độ dốc dọc $I\leq 6\%$; mặt đường bằng BTXM M300.

2.8. Điểm tránh xe, dừng nghỉ: Trước khi lên/xuống những đoạn có độ dốc dọc $\geq 9\%$ thiết kế các vị trí tránh xe, khoảng cách trung bình $300\text{m}/01$ điểm; kết cấu áo đường như trên tuyến vị trí tương ứng.

2.9. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí cọc tiêu, cột km, biển báo, tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

2.10. Đường cứu nạn: Thiết kế 02 đường cứu nạn tại $\text{Km}1+161,3$ và $\text{Km}1+754,08$ bên trái tuyến (phía taluy dương); chiều rộng nền đường $B_n=6\text{m}$, mặt đường $B_m=5\text{m}$; đoạn đường dẫn có kết cấu mặt giống mặt đường tương ứng trên đường chính, đoạn đệm giảm tốc đắp bằng sỏi sạn.

3. Dự toán duyệt: **23.571.829.000 đồng** (Hai mươi ba tỷ năm trăm bảy mươi triệu tám trăm hai chín nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	19.690.301.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	472.209.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.146.218.000 đồng

- Chi phí khác: 278.306.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 984.795.000 đồng

(chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Điều 2. UBND huyện Quan Hóa tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, đồng thời trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến tại báo cáo thẩm định số 4554/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/10/2020 của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Lưu: VT, VX.^{30a150}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG					
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG BẮN PUỜN, XÃ TRUNG SON, HUYỆN QUAN HÓA (CHƯƠNG TRÌNH 30A)					
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)					
Đơn vị: Đồng					
STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH			THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG				19.690.301.000
1	Nền, mặt đường, công trình phòng hộ	Dự toán chi tiết			19.690.301.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	17.900.273.636	x	2,638%	472.209.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD				2.146.218.000
1	Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh			754.221.000
2	Khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán, lập hồ sơ cấm cọc GPMB	Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND huyện Quan Hóa			633.798.000
3	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói xây lắp và bảo hiểm công trình	17.952.184.545	x1,1x	0,259%	51.209.000
4	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu TVĐT	Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh			13.885.000
5	Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát bước BCNCKT				19.001.000
6	Giám sát công tác khảo sát bước lập BCNCKT				25.791.000
7	Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát BVTC	Theo Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh			9.560.000
8	Giám sát công tác khảo sát bước lập BVTC				12.977.000
9	Thẩm định HSMT, HSYC các gói thầu	21.739.458.000	x	0,050%	10.870.000
10	Thẩm định KQLCNT các gói thầu gói thầu	21.739.458.000	x	0,050%	10.870.000
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	17.952.184.545	x1,1x	2,806%	554.036.000
13	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính			50.000.000
IV	CHI PHÍ KHÁC				278.306.000
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	23.571.829.000	x	0,354%	83.532.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	17.900.273.636	x1,1x	0,290%	57.102.000
3	Thẩm định Báo cáo NCKT	Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh			3.816.000
4	Thẩm định thiết kế BVTC	17.900.273.636	x0,5x	0,106%	9.481.000
5	Thẩm định dự toán	17.900.273.636	x0,5x	0,103%	9.205.000
6	Rà phá bom mìn, vật nổ (tạm tính 17triệu/ha)	17.000.000	x	5,01	85.170.000
7	Kiểm tra của cơ quan chuyên môn	Tạm tính			30.000.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG				984.795.000
1	Dự phòng phát sinh khối lượng	(I+II+III+IV) x2%			451.741.000
2	Dự phòng trượt giá	(I+II+III+IV) x 2,36%			533.054.000
TỔNG GIÁ TRỊ DỰ TOÁN		(I+II+III+IV+V)			23.571.829.000